SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 10 Đường Hoàng Công Chất Phường Quang Trung TP.Thái Bình
ĐT :02273832639 Email : khoaxncdctb@gmail.com

Số: 1265 /2020/KQTN-XN Ngày trả kết quả: 16/11/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 629

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước mặt đầu nguồn
Nhận diện mẫu: N05/22/10/20
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đậy nắp kín .
Nơi lấy mẫu: Công Ty Cổ Phần phát triển Thủy Long
Địa chỉ: Xã Vũ Ninh - Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình
Người lấy mẫu: Ds Vũ Minh Tân - Khoa xét nghiệm CĐHA & TD CN – Trung tâm KSBT
Ngày lấy mẫu: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 22 tháng 10 năm 2020
Yêu cầu thử nghiệm: 19 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,98
2.	Độ oxy hòa tan (DO)	TCVN 7324:2004	mg/L	7,48
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW2540D:2017	mg/L	65,5
4.	Nhu cầu oxy hoá học COD	TCVN 6491:1999	mg/L	2,79
5.	Nhu cầu oxy sinh học BOD_5	TCVN 6001-2:2008	mg/L	1,45
6.	Hàm lượng Asen (*)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	< 0,0007(b)
7.	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,139
8.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	<0,0006(b)
9.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194 : 1996	mg/L	5,67
10.	Hàm lượng Crom	SMEWW 3113B:2017	mg/L	< 0,0007(b)
11.	Hàm lượng Đồng (Cu)(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	< 0,05(b)
12.	Hàm lượng Florua (*)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	< 0,039(b)

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
13.	Hàm lượng Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	< 0,033[(b)]
14.	Hàm lượng Niken (Ni)	SMEWW3111B:2017	mg/L	< 0,016[(b)]
15.	Hàm lượng Nitrat [(*)]	TCVN 6180 : 1996	mg/L	3,09
16.	Hàm lượng Nitrit [(*)]	TCVN 6178:1996	mg/L	0,048
17.	Hàm lượng Sắt (Fe) [(*)]	TCVN 6177 : 1996	mg/L	1,03
18.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0007[(b)]
19.	Hàm lượng Phosphate	TCVN 6494-1:2011	mg/L	<0,049[(b)]

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Coliforms[(*)]	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	$1,5 \times 10^3$
2.	E.coli[(*)]	TCVN6187-2:1996	MPN/100ml	$9,3 \times 10^1$

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện*
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli,\ Coliforms}$: 03MPN /100ml

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thơm

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM CĐHA& TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý : - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- *Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
- *Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm*
- ** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
- *** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ*